

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **172/2020/QĐST-HNGĐ**

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vọng

Thư ký phiên họp: Bà Châu Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 172/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Dương Minh C, sinh năm 1973;
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Cùng cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 22 tháng 5 năm 2020, người yêu cầu là anh Dương Minh C và chị Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C thuận tình ly hôn;

Về con chung: Giao con chung Dương Bảo N, sinh ngày 03/8/2004; Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013 cho anh Dương Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, anh Dương Minh C không thể cùng lúc đưa đón, chăm sóc các con nên chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C thống nhất đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, cụ thể: Anh Dương Minh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Bảo N, sinh ngày 03/8/2004; còn chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013.

Tại phiên họp: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố T nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quyền yêu cầu:* Ngày 22 tháng 5 năm 2020, chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C có đơn yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là đúng quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Do Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 3 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C, xét thấy: Theo Quyết định công nhận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Về con chung: Giao con chung Dương Bảo N, sinh ngày 03/8/2004; Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013 cho anh Dương Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tuy nhiên, quá trình chăm sóc anh Dương Minh C không thể chăm sóc, đưa đón 03 người con chung nên chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C thống nhất thay đổi người trực tiếp nuôi con, cụ thể: Anh Dương Minh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Bảo N, sinh ngày 03/8/2004; còn chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013.

[3]. Nhận thấy, việc thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp khả năng của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C; đồng thời đúng với nguyện vọng của các con được thể hiện tại bản tự khai ngày 17/6/2020. Như vậy, để các con có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013;

giao anh Dương Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Bảo N, sinh ngày 03/8/2004.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Tại phiên họp, quan điểm giải quyết việc dân sự của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[6]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C phải chịu 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 2 Điều 39; Điều 370; Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 1. Công nhận thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

1. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Dương Bảo N1, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Dương Bảo N2, sinh ngày 28/8/2013; giao anh Dương Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Dương Bảo N1, sinh ngày 03/8/2004.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041977 của Chi cục Thi hành án đương sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Minh C có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thế Vọng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”